

# 越南语听力

第一册 (教师用书)

GIÁO TRÌNH TẬP NGHE TIẾNG VIỆT

(TẬP I) (Dành cho giáo viên)

苏彩琼 黄以亭 编写



广东外语外贸大学

越南语教研室

二〇〇四年八月

## 编写说明

听力课是一门培养学生听能的专项技能课。一直以来，越南语听力课没有现成、系统的教材，这给教师的授课和学生的学习带来了不同程度的困难。为了更好地培养和发展学生的听能，我们编写了这套《越南语听力》教材。

本套教材共三册，分学生用书和教师用书，每册16课，包括数字、时间、天气-气候、学习、烹调、参观-旅游、节日、饮食、服饰、求职、工作、环境保护、改革开放、教育、社会经济、妇女、少数民族、传统文化、文学艺术等专题，循序渐进，注重选材的系统性、实用性和多样性，旨在提高学生听能并使其熟练掌握一些常用知识的越语表达方法，同时加强学生对越南国情的了解。

每课的编排分单词和练习两大部分。单词部分标出本课新出现的生词（含外来词、专有名词）及其词性和中文词义。教师用书的练习部分包括语言材料的原文、练习题目及参考答案，学生用书则只给出相应的练习题目。语言材料的体裁有短句、对话、短文、新闻报道、专题讲座等，练习的设计主要本着由浅入深、难易搭配，精泛结合，听说为主的原则，采取完形填空、选择、判断、听写、问答、归纳总结等各种形式。

本套教材配有录音带，由来自越南河内的留学生朗读，语言纯正、语速适中。

本套教材的编写得到本校越南语教研室全体老师的关心和支持，在此特表谢意。

由于经验不足、资料有限及时间仓促，教材难免存在缺点，敬请学者同仁批评指正。

编者

2004年8月

# MỤC LỤC

|                                           |     |
|-------------------------------------------|-----|
| 1. Con số 数字 .....                        | 1   |
| 2. Thời gian 时间 .....                     | 7   |
| 3. Nói về bản thân 个人情况 .....             | 12  |
| 4. Phương hướng – vị trí 方向-位置 .....      | 17  |
| 5. Thời tiết – khí hậu 天气-气候 .....        | 23  |
| 6. Mua sắm 购物 .....                       | 28  |
| 7. Tình bạn 友情 .....                      | 35  |
| 8. Ở nhà 在家 .....                         | 41  |
| 9. Học hành 学习 .....                      | 46  |
| 10. Nấu nướng 烹调 .....                    | 54  |
| 11. Khám bệnh 看病 .....                    | 63  |
| 12. Ngân hàng và bưu điện 银行和邮局 .....     | 69  |
| 13. Khách sạn 宾馆 .....                    | 75  |
| 14. Tham quan – du lịch 参观-旅游 .....       | 83  |
| 15. Thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh ..... | 92  |
| 河内和胡志明市                                   |     |
| 16. Ngày lễ và ngày tết 节日 .....          | 99  |
| Phụ lục: Bảng từ mới 生词表 .....            | 106 |

## Bài thứ 1: Con số

### I. Từ mới

|     |                                |       |      |
|-----|--------------------------------|-------|------|
| 1.  | đất liền                       | (名)   | 陆地   |
| 2.  | đỉnh núi                       | (名)   | 山顶   |
| 3.  | Hải Dương                      | (地名)  | 海阳   |
| 4.  | trung bình                     | (形)   | 平均   |
| 5.  | km <sup>2</sup> =kilomet vuông | (名)   | 平方米  |
| 6.  | bảo tàng                       | (名)   | 博物馆  |
| 7.  | tầng                           | (名)   | 层    |
| 8.  | phố Nguyễn Thái Học            | (名)   | 阮太学街 |
| 9.  | Chùa Hương                     | (名)   | 香迹寺  |
| 10. | thu hút                        | (动)   | 吸引   |
| 11. | du khách                       | (名)   | 游客   |
| 12. | tăng                           | (动)   | 增加   |
| 13. | đi vòng                        | (动)   | 兜圈   |
| 14. | lâm nghiệp                     | (名)   | 林业   |
| 15. | Cao Bằng                       | (地名)  | 高平   |
| 16. | thị xã                         | (名)   | 省辖市  |
| 17. | dải                            | (名)   | 带状物  |
| 18. | bán đảo Đông Dương             | (名)   | 中南半岛 |
| 19. | bờ biển                        | (名)   | 海岸   |
| 20. | biên giới                      | (名)   | 边界   |
| 21. | cực                            | (名)   | 极    |
| 22. | hẹp                            | (形)   | 狭窄   |
| 23. | sản xuất                       | (动/名) | 生产   |
| 24. | duy trì                        | (动)   | 维持   |
| 25. | mức tăng                       | (名)   | 增长率  |

|                     |     |      |
|---------------------|-----|------|
| 26. bình quân       | (形) | 平均   |
| 27. khu công nghiệp | (名) | 工业区  |
| 28. cụm             | (名) | 丛、群  |
| 29. làng nghề       | (名) | 手工艺村 |
| 30. cơ sở sản xuất  | (名) | 生产基地 |

## II. Bài tập

### 1. Nghe băng và hoàn thành các câu sau đây.

- 1.1 Diện tích đất liền của cả nước Việt Nam khoảng 331 km<sup>2</sup>.
- 1.2 Thành phố Hà Nội tất cả có 2 triệu 672 nghìn dân.
- 1.3 Đỉnh núi cao nhất của Việt Nam cao 3143 mét.
- 1.4 Diện tích của tỉnh Hải Dương là 1661 km<sup>2</sup>.
- 1.5 Nhiệt độ trung bình mùa đông ở Hà Nội là 17,2 độ.

### 2. Nghe băng và chọn lời giải đáp đúng cho câu hỏi.

- 2.1 Ông tôi mỗi ngày đi leo núi một lần, nhưng tuần trước bị cảm, nên chỉ đi được 3 lần.

Câu hỏi: *Tuần trước ông tôi có mấy ngày không được đi leo núi?*

- a. 3              b. 5              c. 7              d. 4

- 2.2 Khoa chúng ta năm nay có 268 sinh viên mới, nhiều hơn năm ngoái 60 người.

Câu hỏi: *Khoa ta năm ngoái có bao nhiêu sinh viên mới?*

- a. 268              b. 262              c. 208              d. 328

- 2.3 Bảo tàng Hồ Chí Minh là một tòa nhà cao 20,5 mét gồm bốn tầng với tổng diện tích sử dụng là 10000 mét vuông.

Câu hỏi: *Bảo tàng Hồ Chí Minh cao bao nhiêu mét?*

- a. 10      b. 4      c. 20.5      d. 10.5

2.4 Ngôi nhà 66 phố Nguyễn Thái Học Hà Nội từ ngày 24 tháng 6 năm 1966 chính thức trở thành viện Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam.

Câu hỏi: *Số nhà bao nhiêu phố Nguyễn Thái Học là viện Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam?*

- a. 66      b. 96      c. 24      d. 6

2.5 Năm nay, hội Chùa Hương của tỉnh Hà Tây mỗi ngày thu hút được 15.000 du khách, tăng 50% so với năm ngoái.

Câu hỏi: *Hội Chùa Hương năm ngoái mỗi ngày thu hút được bao nhiêu du khách?*

- a. 10.000      b. 5.000      c. 15.000      d. 20.000

**Giải đáp:** 2.1 d    2.2 c    2.3 c    2.4 a    2.5 a

### **3. Nghe đối thoại và chọn lời giải đáp đúng cho câu hỏi.**

3.1 A: Số điện thoại nhà cậu là 8137406, phải không?

B: Đó là số cũ, số máy nhà mình đã đổi thành 6287406.

Câu hỏi: *Số điện thoại mới của bạn B là bao nhiêu?*

- a. 8137406      b. 6284706      c. 8173406      d. 6287406

3.2 A: Chào bác. Bác làm ơn cho biết đi Thư viện Quốc gia có phải đi số xe 26 không?

B: Cũng được, xe này đi nhanh hơn, nhưng xuống xe rồi còn phải đi thêm một đoạn đường. Cháu có thể đi số 23 hoặc 27, tuy đi vòng, nhưng chỉ mất khoảng 30 phút thôi.

Câu hỏi: *Số xe nào không thể đến được Thư viện Quốc gia?*

- a. 30      b. 23      c. 26      d. 27

3.3 A: Đất nông nghiệp chiếm 22,2% diện tích đất tự nhiên của

Việt Nam, đúng không cậu?

B: Đúng. Còn đất lâm nghiệp thì chiếm 29,12%.

Câu hỏi: *Đất lâm nghiệp chiếm bao nhiêu phần trăm diện tích đất tự nhiên của Việt Nam?*

- a. 29,2      b. 29,12      c. 22,2      d. 22,12

3.4 A: Ngày mai tớ muốn đi Cao Bằng, từ Hà Nội lên Cao Bằng có xa không cậu?

B: Từ Hà Nội theo quốc lộ 3 đến thị xã Cao Bằng khoảng 272 km.

Câu hỏi: *Thị xã Cao Bằng cách Hà Nội bao nhiêu km?*

- a. 272      b. 275      c. 269      d. 273

3.5 A: Cậu xem, quyển sách này 80 nghìn đồng, đắt quá.

B: Cậu yên tâm. Hiệu sách này có thể giảm giá, những sách giá cao hơn 50 nghìn có thể bớt đi 30%.

Cậu hỏi: *Bạn A có thể mua quyển sách này bằng bao nhiêu tiền?*

- a. 50.000      b. 56.000      c. 80.000      d. 30.000

*Giải đáp:* 3.1 d    3.2 a    3.3 b    3.4 a    3.5 b

#### **4. Nghe băng và hoàn thành đoạn văn sau đây.**

Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là một dải đất hình chữ S, nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á, ở phía đông bán đảo Đông Dương. Bờ biển Việt Nam dài 3260 km, biên giới đất liền dài 3730 km. Trên đất liền, từ điểm cực bắc đến điểm cực nam dài 1650 km, từ điểm cực đông sang điểm

cực tây nơi rộng nhất 600 km (Bắc bộ), 400 km (Nam bộ), nơi hẹp nhất 50 km (Quảng Bình).

**5. Nghe băng và ghi lại các câu sau đây.**

5.1 Năm 2003, khi tôi còn 19 tuổi, tôi đến thành phố Quảng Châu để học đại học.

5.2 Quảng Châu là một thành phố lớn có hơn bảy triệu dân.

5.3 Từ ký túc xá đến cổng trường chúng tôi xa khoảng 500 mét, đi bộ mất 8 phút.

5.4 Sau mỗi buổi học 90 phút, chúng tôi được nghỉ 20 phút. Mỗi ngày chúng tôi thường học ba buổi.

5.5 Anh ở phòng 409, tôi thì ở phòng 411, chúng ta cách nhau hai phòng.

**6. Nghe hiểu tin ngắn sau đây.**

Trong ba năm trở lại đây, sản xuất công nghiệp ở Quảng Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao, đạt mức tăng bình quân hằng năm hơn 25%. Toàn tỉnh hiện có bốn khu công nghiệp tập trung, 23 cụm công nghiệp vừa và nhỏ, 33 làng nghề với hơn 12 nghìn cơ sở sản xuất, tạo việc làm cho hơn 50 nghìn lao động.

Câu hỏi tham khảo:

6.1 Tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp ba năm qua là bao nhiêu?

6.2 Tỉnh Quảng Nam hiện có bao nhiêu cụm công nghiệp vừa và nhỏ?



### 6.3 Những cơ sở sản xuất đã tạo việc làm cho bao nhiêu người?

## Bài thứ 2: Thời gian

### *I. Từ mới*

|     |              |         |     |
|-----|--------------|---------|-----|
| 1.  | Cổ Loa       | ( 名 )   | 古罗城 |
| 2.  | dời          | ( 动 )   | 转移  |
| 3.  | đặt tên      | ( 动 )   | 起名  |
| 4.  | lập lại      | ( 动 )   | 恢复  |
| 5.  | khởi công    | ( 动 )   | 动工  |
| 6.  | khánh thành  | ( 动 )   | 落成  |
| 7.  | Văn Miếu     | ( 名 )   | 文庙  |
| 8.  | Quốc Tử Giám | ( 名 )   | 国子监 |
| 9.  | quốc hội     | ( 名 )   | 国会  |
| 10. | khóa         | ( 名 )   | 届   |
| 11. | lòng tin     | ( 名 )   | 信心  |
| 12. | quyết tâm    | ( 动/名 ) | 决心  |
| 13. | kiên quyết   | ( 动 )   | 坚决  |
| 14. | thủy sản     | ( 名 )   | 水产  |
| 15. | xuất khẩu    | ( 动 )   | 出口  |
| 16. | đầu tư       | ( 动/名 ) | 投资  |
| 17. | làn sóng     | ( 名 )   | 波浪  |
| 18. | sáng kiến    | ( 名 )   | 创见  |
| 19. | diễn đàn     | ( 名 )   | 论坛  |

### *II. Bài tập*

#### *1. Nghe băng và hoàn thành các câu sau đây.*

- 1.1 Tương truyền năm 208 trước công nguyên, An Dương Vương chọn Cổ Loa làm kinh đô.

- 1.2 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh là ngày 19 tháng 5 năm 1890.
- 1.3 Năm 1010, vua Lý Thái Tổ dời kinh đô về Đại La, đặt tên là Thăng Long, tức thành phố Hà Nội ngày nay.
- 1.4 Ngày 5-11-1991, hai nước Trung Quốc-Việt Nam chính thức lập lại quan hệ ngoại giao.
- 1.5 Công việc của tôi hay bạn vào bốn tháng đầu năm.

## **2. Nghe băng và chọn lời giải đáp đúng cho câu hỏi.**

- 2.1 Năm 1886, bưu điện Sài Gòn bắt đầu khởi công xây dựng, 4 năm sau được khánh thành.

Câu hỏi: *Công trình xây dựng bưu điện Sài Gòn được hoàn thành vào năm nào?*

- a. 1884      b. 1886      c. 1882      d. 1890

- 2.2 Năm 1076, sáu năm sau khu Văn Miếu được xây dựng, nhà Quốc Tử Giám được dựng lên trong khu vực này.

Câu hỏi: *Văn miếu được xây dựng vào năm nào?*

- a. 1076      b. 1065      c. 1070      c. 1082

- 2.3 Tháng 1-1959, Hội nghị lần thứ 15 của Đảng đã họp tại Hà Nội để bàn về cách mạng miền Nam.

Câu hỏi: *Hội nghị bàn về cách mạng miền Nam của Đảng họp vào bao giờ?*

- a. 1-1915      b. 5-1959      c. 1-1959      d. 5-1915

- 2.4 Mùa hè năm nay, tôi quyết định đi du lịch Hà Nội, còn sang năm, tôi định đi thăm thành phố Hồ Chí Minh vào mùa thu.

Câu hỏi: *Bao giờ “tôi” sẽ đi thăm thành phố Hồ Chí Minh?*

- a. mùa hè năm nay      b. mùa thu năm nay  
c. mùa thu sang năm      d. mùa hè sang năm

2.5 Anh ấy mới đến làm tại đây vào giữa tháng chạp năm ngoái, hôm nay mừng 1 tháng 5 lại đã đi, thật là nhanh!

Câu hỏi: *Anh ấy đã làm ở đây bao lâu?*

- a. nửa năm                      b. 4 tháng rưỡi
- c. nửa tháng                    d. 5 tháng rưỡi

*Giải đáp:* 2.1 d    2.2 d    2.3 c    2.4 c    2.5 b

### **3. Nghe đối thoại và chọn lời giải đáp đúng cho câu hỏi.**

A: Nga ơi, bây giờ là mấy giờ?

B: 8 giờ 5 phút.

A: Chết. Đồng hồ của tớ là 8 giờ kém 15. Muộn quá!

B: Cuộc họp bắt đầu lúc mấy giờ?

A: 8 giờ 15.

B: Thế thì nhanh lên. Chắc vẫn kịp đấy.

Câu hỏi:

3.1 *Bây giờ là mấy giờ?*

- a. 8:05      b. 8:15      c. 7:45      d. 7:55

3.2 *Đồng hồ của Nga chạy muộn bao nhiêu phút?*

- a. 10 phút      b. 20 phút      c. 15 phút      d. 5 phút

3.3 *Hai bạn phải làm gì?*

- a. dự thi      b. lên lớp      c. dự họp      d. đi xe

3.4 *Hai bạn định làm thế nào?*

- a. Vì không kịp nên không đi nữa.
- b. Đi nhanh kéo muộn.
- c. Định xin phép với thầy giáo.
- d. Chắc phải đi xe mới kịp.

*Giải đáp:* 3.1 a    3.2 b    3.3 c    3.4 b

**4. Nghe đối thoại và trả lời câu hỏi sau đây.**

A: Tắc-xi! Tắc-xi!

B: Cô đi đâu ạ?

A: Nhà ga Hà Nội.

B: Vâng, mời cô lên xe.

A: Tôi phải đi chuyến tàu 10:30, liệu có kịp không anh?

B: Kịp chứ! Bây giờ mới 10 giờ 5 phút mà.

A: Nhưng tôi còn phải mua vé!

B: Cô đừng lo, tôi sẽ chọn con đường vắng.

A: Cảm ơn anh.

B: Nhà ga đây rồi, còn 10 phút nữa, kịp chán.

A: Tốt quá. Tôi phải trả bao nhiêu tiền?

B: Thưa cô, mười hai nghìn đồng, nó hiện trên đồng hồ kia ạ.

A: Gửi tiền anh.

B: Xin cô.

Câu hỏi:

4.1 Cô gái muốn đi chuyến tàu mấy giờ?

4.2 “Con đường vắng” nghĩa là gì?

4.3 Lúc cô gái đến nhà ga là mấy giờ?

4.4 Cô gái đã trả bao nhiêu tiền?

**5. Nghe băng và ghi lại các câu sau đây.**

5.1 Sau khi miền Nam được giải phóng năm 1975, Việt Nam được thống nhất, Quốc hội khóa VI họp ngày 25 tháng 4 năm 1976 đã quyết định Hà Nội là thủ đô của nước Cộng

hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

5.2 Việt Nam bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm 1991-1995 với lòng tin và quyết tâm của toàn Đảng toàn dân kiên quyết đi theo con đường đổi mới.

5.3 Quý một năm nay, thành phố Hải Phòng đạt giá trị thủy sản xuất khẩu 2 triệu 200 nghìn USD.

## **6. Nghe hiểu tin ngắn sau đây.**

Nếu năm 2003, số vốn đầu tư của Nhật Bản vào Việt Nam chỉ đạt 100 triệu USD, thì trong năm 2004 và những năm tới đây, sẽ có một làn sóng đầu tư thứ hai từ Nhật Bản vào Việt Nam. Điều này sẽ thành hiện thực khi hai bên thực hiện thành công Sáng kiến chung Việt Nam - Nhật Bản. Nhận định này được đưa ra tại diễn đàn "Tăng cường quan hệ kinh tế Việt - Nhật" tổ chức tại Hà Nội ngày 4-3.

Câu hỏi tham khảo:

6.1 Chủ đề bản tin này là gì?

6.2 Bản tin cho rằng làn sóng đầu tư thứ hai từ Nhật Bản vào Việt Nam sẽ xuất hiện vào thời gian nào?

6.3 Diễn đàn "Tăng cường quan hệ kinh tế Việt-Nhật" đã tổ chức bao giờ? Ở đâu?

## Bài thứ 3: Nói về bản thân

### *I. Từ mới*

|     |              |         |       |
|-----|--------------|---------|-------|
| 1.  | tuần tiểu    | ( 动 )   | 巡逻    |
| 2.  | canh gác     | ( 动 )   | 站岗、放哨 |
| 3.  | súng         | ( 名 )   | 枪     |
| 4.  | bảng kê      | ( 名 )   | 表格、清单 |
| 5.  | Niu Đê-li    | ( 名 )   | 新德里   |
| 6.  | nhà sử học   | ( 名 )   | 史学家   |
| 7.  | Tokyo        | ( 名 )   | 东京    |
| 8.  | trung tâm    | ( 名 )   | 中心    |
| 9.  | hợp tác      | ( 动/名 ) | 合作    |
| 10. | nghiên cứu   | ( 动 )   | 研究    |
| 11. | Seoul        | ( 名 )   | 汉城    |
| 12. | Mường        | ( 名 )   | 芒族    |
| 13. | Kuala Lumpur | ( 名 )   | 吉隆坡   |

### *II. Bài tập*

#### *1. Nghe băng và hoàn thành đoạn văn sau đây.*

Bố mẹ Hương quê ở Hà Nội. Họ hàng bên ngoại Hương cũng ở Hà Nội. Hương gọi các anh, các chị của bố và mẹ đều bằng bác. Các em trai và em gái của bố thì Hương gọi bằng chú và cô. Nhưng các em trai, em gái của mẹ, Hương gọi bằng cậu và dì.

#### *2. Nghe bài ngắn và chọn lời giải đáp đúng cho câu hỏi.*

Gia đình Đông có ba người anh đều đi bộ đội. Anh Thu là

bộ đội bộ binh, hiện đóng ở biên giới. Anh Hạ là bộ đội hải quân, chuyên đi tuần tiễu trên mặt biển. Còn anh Xuân lớn tuổi nhất là chiến sĩ không quân, ngày nào cũng bay đi làm nhiệm vụ canh gác bầu trời của Tổ quốc. Các anh đều nắm chắc tay súng sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ đất nước quê hương.

Câu hỏi:

2.1 *Anh nào là bộ đội không quân?*

- a. Xuân      b. Hạ      c. Thu      d. Đông

2.2 *Anh nào bây giờ đang ở biên giới?*

- a. Xuân      b. Hạ      c. Thu      d. Đông

2.3 *Trong gia đình, người nào là anh cả?*

- a. Xuân      b. Hạ      c. Thu      d. Đông

2.4 *Anh nào hay xuất hiện trên mặt biển?*

- a. Xuân      b. Hạ      c. Thu      d. Đông

*Giải đáp:* 2.1 a      2.2 c      2.3 a      2.4 b

**3. Nghe đối thoại và phán đoán đúng sai cho các câu sau đây.**

A: Em có nói được tiếng Anh không ?

B: Dạ có ạ.

A: Thế em có biết tiếng Nga không ?

B: Dạ em đọc được tiếng Nga nhưng không nói được ạ.

A: Thế à, em có nói được tiếng Trung Quốc không ?

B: Dạ em có nói được, nghe được nhưng không viết được ạ.

Phán đoán:

3.1 Bạn B có thể nói được tiếng Anh và tiếng Nga. (    )



3.2 Bạn B không thể đọc được tiếng Nga. ( )

3.3 Bạn B có thể nói được tiếng Trung Quốc. ( )

3.4 Bạn B không thể viết được tiếng Trung Quốc. ( )

3.5 Bạn B biết cả tiếng Anh, tiếng Nga và tiếng Trung Quốc.  
( )

*Giải đáp:* 3.1 s    3.2 s    3.3 đ    3.4 đ    3.5 đ

**4. Nghe bài ngắn và hoàn thành bảng kê sau đây.**

An-đô-ra, sinh ngày 18-1-1951 ở Niu Đê-li của Ấn Độ. Ông làm việc ở Bệnh viện Hội chữ thập đỏ Niu Đê-li. Năm ngoái cùng phu nhân đến thăm nước ta, chuyển đến lời thăm hỏi của bác sĩ Ấn Độ.

|                     |          |
|---------------------|----------|
| Tên                 | An-đô-ra |
| Giới tính           |          |
| Quốc tịch           |          |
| Nơi sinh            |          |
| Ngày tháng năm sinh |          |
| Tình hình hôn nhân  |          |
| Nghề nghiệp         |          |
| Nơi làm việc        |          |

**5. Nghe đối thoại và trả lời câu hỏi sau đây.**

A: Chào Lan. Lâu lắm không gặp em, em khỏe không?

B: Em khỏe. Anh và gia đình có khỏe không?

A: Cảm ơn. Chúng tôi bình thường.